

Họ và tên HS Lớp.....

GV coi 1:..... GV chấm 1:.....

GV coi 2:..... GV chấm 2:.....

Điểm.....

Nhận xét của giáo viên

chấm:.....

.....

.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Bài 1:

a. Đọc các số:

5:

4:

7:

9:

b. Điền vào chỗ trống

$$3 + \dots = 8 \quad 10 - \dots = 4 \quad 2 + \dots = 9 \quad \dots + 2 = 10$$

Bài 2: Dấu điền vào ô trống: $3 + 4 \square 9 + 0$

a. $>$;

b. $<$;

c. $=$

Bài 3: Số điền vào chỗ chấm: 3; 4; 5.....;; 8; 9; 10.

a. 6;

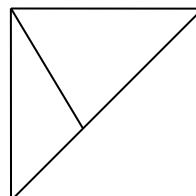
b. 6;7

c. 7

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) Hình bên có 3 hình tam giác. ☐

b) Hình bên có 1 hình vuông. ☐



Bài 5: Điền số vào ô trống:

$$5 + \square = 7$$

$$9 - \square = 5$$

$$3 + \square = 8$$

$$\square - 2 = 6$$

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Tính:

$$\begin{array}{r} \text{a)} \quad 4 \\ + \quad 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b)} \quad 5 \\ + \quad 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c)} \quad 9 \\ - \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d)} \quad 10 \\ - \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

Bài 2: Viết các số 7; 4; 9; 5; 8

a. Theo theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b. Theo theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Bài 3: Viết phép tính thích hợp (1 điểm)

Có : 7 bông hoa

Thêm: 3 bông hoa

Có tất cả:bông hoa?

--	--	--	--	--

ĐÁP ÁN BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KÌ I

PHÒNG GD-ĐT THANH OAI
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM AN

NĂM HỌC 2014-2015

MÔN TOÁN - LỚP 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Bài 1 (1 điểm):

a. 5: Năm; 4: Bốn; 7: Bảy; 9: Chín

b. **5; 6; 7; 8**

Bài 2 (0,5 điểm): **b**

Bài 3 (0,5 điểm): **b**

Bài 4 (1 điểm): **a/ S; b/Đ**

Bài 5 (2 điểm): **2; 4; 5; 8**

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 : (2 điểm) Tính đúng mỗi phép tính cho 0,5 điểm

Đ/s: 9; 10; 6; 7

Bài 2: (2 điểm) Viết đúng mỗi phần cho 1 điểm

a : 4; 5; 7; 8; 9

b: 9; 8; 7; 5; 4;

Bài 3: (1 điểm)

- Viết phép tính đúng (1 điểm): **$20 + 7 = 27$**
